TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2019

V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái;

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Uyên

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1984;

Địa chỉ: Tổ 08, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1979;

Địa chỉ: Tổ 03, ấp B, xã NH, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2018 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Phạm Thị H trình bày: Hôn nhân của bà với ông Nguyễn Văn T do tự tìm hiểu được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã NH ngày 15/11/2011. Hôn nhân lúc đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T đi làm không gửi tiền về chăm lo cho gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi, khi về lại kiếm chuyện gây gổ, đánh đập vợ con. Bà và ông T không còn chung

sống từ năm 2016 cho tới nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vũ D, sinh ngày 10/9/2008 và Nguyễn Thị Bảo Th, sinh ngày 04/10/2010. Hiện nay các cháu đang sống với bà H. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Nguyễn Văn T theo quy định nhưng ông T vắng mặt, để đảm bảo quyền lợi của ông T, Tòa án có đến nhà của ông T để ghi nhận ý kiến nhưng không gặp ông nên không thể ghi nhận ý kiến của ông.

Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập chứng cứ xác minh tình trạng mâu thuẫn vào ngày 18/02/2019, kết quả thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn năm 2011. Trong quá trình chung sống hai bên thường hay mâu thuẫn, cự cãi, tính tình thường không hòa hợp, hai bên đã ly thân nhau từ khoảng gần 03 năm nay. Sau khi bà H làm đơn ly hôn với ông T, gia đình có thông báo cho ông T hay nhưng do đi làm thuê không thể về được. Mặt khác, ông T cũng không còn tình cảm với bà H nữa, ông cũng yêu cầu được ly hôn với bà H. Hiện nay ông T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã NH và vẫn thường xuyên về địa phương.

Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của hai con chung là cháu D và Th được hai cháu cho biết hiện nay điều kiện sống của cháu rất tốt, được ăn học đầy đủ như bao đứa trẻ khác, nếu cha mẹ cháu ly hôn thì hai cháu xin được tiếp tục sống với mẹ.

Tại phiên tòa bà H bảo lưu ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng ông T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi đáp tại phiên tòa cho thấy hôn nhân của bà H và ông T có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Vũ D, sinh ngày 10/9/2008 và cháu Nguyễn Thị Bảo Th, sinh năm: 04/10/2010. Hiện nay các cháu đang sống với bà H. Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của hai cháu D và Th sau này được tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H là giao hai cháu lại cho bà H được nuôi dạy.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu này.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp bà H và ông T có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Ông T có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H và ông T có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà H ly hôn với ông T thì thấy: Trong đời sống hôn nhân thường phát sinh mâu thuẫn, thời gian không còn chung sống giữa bà H và ông T đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Bà H vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa bà H và ông T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Hiện các cháu Nguyễn Vũ D, sinh ngày 10/9/2008 và cháu Nguyễn Thị Bảo Th, sinh ngày 04/10/2010 đang sống với bà H và hai cháu cũng có nguyện vọng sống với bà H trong trường hợp cha mẹ ly hôn, để đảm bảo điều kiện sống và tâm sinh lý của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai cháu D và Th cho bà H được nuôi dạy.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà H có đơn rút lại yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này bà H và ông T có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Vũ D, sinh ngày 10/9/2008 và cháu Nguyễn Thị Bảo Th, sinh ngày 04/10/2010 hiện đang sống với bà H cho bà tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0010899 ngày 04/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà H đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 162 ngày 15/11/2011 của Uỷ ban nhân dân xã NH không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã NH H.AP;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo